

Thực trạng liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong phát triển ngành trồng trọt tỉnh Thái Bình

NGUYỄN THỊ THÚY*

Tóm tắt

Bài nghiên cứu sử dụng số liệu khảo sát 500 hộ nông dân tại 3 huyện: Kiến Xương, Vũ Thư, Đông Hưng của tỉnh Thái Bình trong thời gian từ tháng 10-11/2018 nhằm đánh giá thực trạng liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong phát triển ngành trồng trọt ở tỉnh Thái Bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong ngành trồng trọt trên địa bàn 3 huyện còn nhiều vấn đề, như: tốc độ tăng trưởng nông nghiệp, thủy sản tuy cao, song chưa bền vững; sản xuất hàng hóa đã được hình thành, nhưng còn ở trình độ thấp...

Từ khóa: doanh nghiệp, nông dân, ngành trồng trọt, tỉnh Thái Bình

Summary

The paper uses survey data of 500 farmer households in 3 districts of Kien Xuong, Vu Thu, Dong Hung of Thai Binh province during the period of October to November 2018 to assess the linkage between enterprises and farmers in the development of cultivation in Thai Binh province. The output shows that there are many issues concerning this linkage such as the growth of agriculture and fisheries is high but unsustainable; commodity production has been formed but at a low level.

Keywords: Thai Binh, enterprises, farmers, cultivation industry

GIỚI THIỆU

Thái Bình là một tỉnh ven biển thuộc Vùng đồng bằng sông Hồng với lợi thế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, để tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Thái Bình đang từng bước triển khai và hoàn thiện các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Tuy nhiên, việc phát triển các mô hình liên kết đó còn nhiều hạn chế, như: quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún; hiệu quả sản xuất, chất lượng nông sản chưa có tính cạnh tranh cao trên thị trường; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp chưa được quy hoạch và đầu tư xây dựng...

Chính vì vậy, việc đánh giá thực trạng liên kết doanh nghiệp và nông dân trong phát triển ngành trồng trọt tỉnh Thái Bình sẽ giúp đưa ra những giải pháp hiệu quả để hoàn thiện và phát triển mô hình liên kết bền vững giữa hộ nông dân và doanh nghiệp.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Theo nghiên cứu của Eaton, Charles and Andrew W. Shepherd (2001), nông nghiệp hợp đồng là thỏa thuận giữa những người nông dân với các doanh nghiệp chế biến hoặc doanh nghiệp kinh doanh trong việc sản xuất và cung cấp các sản phẩm nông nghiệp dựa trên thỏa thuận giao hàng trong tương lai, giá cả đã được định trước.

Nghiên cứu của Hồ Quý Hậu (2012) cho rằng, liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân là một bộ phận của liên kết trong nền kinh tế quốc dân, trong đó các bên tham gia là doanh nghiệp và nông dân, thực hiện một kiểu liên kết dọc

* Th.S., Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | Email: thuynguyen17072007@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/12/2018; Ngày phản biện: 13/01/2019; Ngày duyệt đăng: 18/01/2019

nông - công nghiệp để ổn định và nâng cao hiệu quả kinh tế.

Còn theo Dương Bá Phương (1995), hiện nay, doanh nghiệp phải cạnh tranh gay gắt trên thị trường về chất lượng và giá cả sản phẩm, chỉ có gắn kết với hộ nông dân thì doanh nghiệp mới quản lý tốt và có thể nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm để vượt qua các rào cản.

Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 500 hộ nông dân tại 3 huyện: Kiến Xương, Vũ Thư, Đông Hưng của tỉnh Thái Bình trong việc thực hiện liên kết doanh nghiệp và nông dân để phát triển ngành trồng trọt. Sau khi khảo sát, có 400 phiếu hợp lệ được đưa vào sử dụng. Thời gian tiến hành khảo sát là tháng 10-11/2018.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

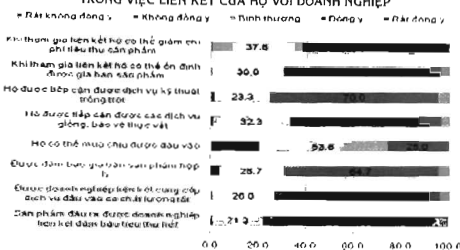
Kết quả khảo sát các hộ nông dân ở Bảng 1 cho thấy, có 60% các hộ khi tham gia liên kết có thể giảm được chi phí tiêu thụ sản phẩm, 70% các hộ đồng ý được tiếp cận với các dịch vụ kỹ thuật trồng trọt, 71% số hộ đồng ý sản phẩm đầu ra của mình được doanh nghiệp liên kết đảm bảo tiêu thụ hết. Điều đó chứng tỏ rằng, liên kết với doanh nghiệp không còn quá xa lạ với bà con nông dân. Tuy nhiên, vấn đề mà các hộ nông dân tâm là họ sẽ được những lợi ích gì khi tham gia vào chuỗi liên kết này?

Theo khảo sát của tác giả, toàn tỉnh Thái Bình có 20 doanh nghiệp thực hiện liên kết với hợp tác xã, hộ sản xuất trồng trọt, 4 doanh nghiệp chăn nuôi triển khai liên kết với chủ các trang trại chăn nuôi, 2 doanh nghiệp triển khai liên kết với các hộ sản xuất thủy sản trên địa bàn Tỉnh (Bảng 2).

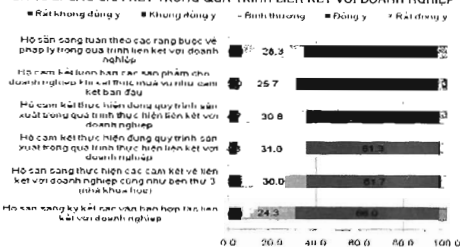
Trong ngành trồng trọt, cây lương thực vẫn là cây trồng chủ yếu, chiếm 63,3% giá trị sản xuất của ngành. Trong đó, cây lúa giữ địa vị ưu thế trong các loại cây lương thực. Năm 2017, cơ cấu giống lúa vụ xuân, vụ mùa nhìn chung không thay đổi nhiều, giống lúa chất lượng cao chiếm khoảng 23% diện tích, giống lúa đạt năng suất cao chiếm 75% diện tích gieo cấy. Trong quá trình thực hiện liên kết, lợi ích cũng như những rủi ro là điều mà doanh nghiệp và cả người nông dân rất quan tâm. Điều này được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 4 và Bảng 5 cho thấy, công tác quy hoạch tổng thể nông nghiệp, thủy

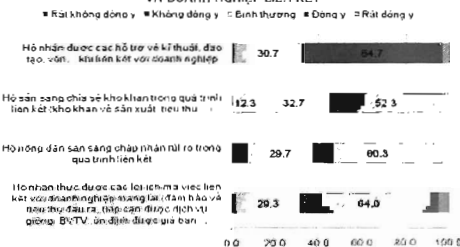
BẢNG 1: ẢNH HƯỞNG CỦA NHẬN THỨC VỀ CÁC LỢI ÍCH TRONG VIỆC LIÊN KẾT CỦA HỘ VỚI DOANH NGHIỆP



BẢNG 2: CÁC CAM KẾT TRONG QUÁ TRÌNH LIÊN KẾT VỚI DOANH NGHIỆP



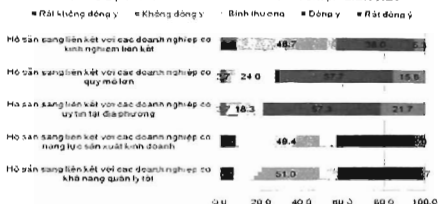
BẢNG 3: THỐNG KÊ VỀ CHIA SẼ LỢI ÍCH VÀ RỦI RO GIỮA NÔNG DÂN VÀ DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT



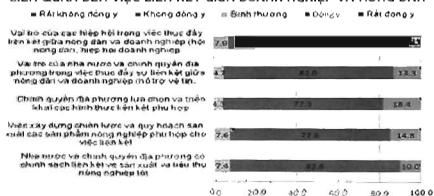
Nguồn: Tính toán của tác giả

sản đã hoàn thành xong, nhưng quy hoạch chi tiết ở từng địa phương, cơ sở chưa hoàn thành, nên việc thực hiện quy hoạch thiếu đồng bộ, chưa chủ động trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản đáp ứng cho yêu cầu sản xuất. Ở nhiều địa phương, công tác chỉ đạo, điều hành còn thiếu kiên quyết, chưa sát sao nhất là cấp cơ sở.

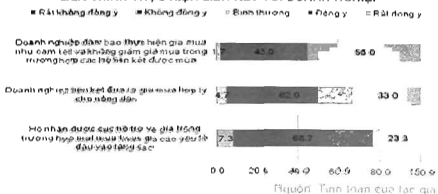
BẢNG 4. THỐNG KÊ CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN KỸ NĂNG QUẢN LÝ VÀ NĂNG LỰC KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT



BẢNG 5: THỐNG KÊ VỀ MÔI TRƯỜNG CHÍNH SÁCH - CÁC THỂ CHẾ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC LIÊN KẾT GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NÔNG DÂN



BẢNG 6: THỐNG KÊ VẤN ĐỀ GIÁ CẢ MÀ NÔNG HỘ QUAN TÂM TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN LIÊN KẾT VỚI DOANH NGHIỆP



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Các sản phẩm của ngành nông nghiệp, công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp chế biến nói riêng được tiêu thụ không chỉ ở trong khu vực nội địa, mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Các mặt hàng nông, thủy sản, như: gạo, thịt lợn, tôm đông lạnh... là một trong những mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của tỉnh Thái Bình. Giá trị sản xuất năm 2017 ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình ước đạt gần 25.783 tỷ đồng, tăng 2,48% so với năm 2016 (Thu Hằng, 2017).

Tuy nhiên, do năng lực quản lý, kinh doanh hạn chế, nên các sản phẩm thường bị chèn ép về giá, các từ thương chiến dụng xuống, nên hiệu quả kinh doanh chưa cao. Thị trường tiêu thụ bất bình, người lao động không yên tâm sản xuất, do đó chưa mạnh dạn đầu tư lớn cho sản xuất.

Bảng 6 cho thấy, các hộ nông dân rất quan tâm đến vấn đề giá cả trong quá trình thực hiện liên kết với doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG LIÊN KẾT DOANH NGHIỆP VÀ NÔNG DÂN

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ nông nghiệp khá đồng bộ, cùng với giống tốt là điều kiện để Thái Bình vươn lên trở thành một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước về năng suất lúa. Hiện nay, Thái Bình đang tập trung xây dựng hình mẫu liên kết an toàn theo chuỗi, dựa trên xây dựng gần 130 cánh đồng mẫu gồm cây lúa và cây màu, đẩy mạnh ký kết hợp đồng bao tiêu nông sản với các công ty, nhà máy chế biến. Điển hình ở Công ty TNHH Liên Hạnh là một trong những đơn vị tiêu biểu trong việc thực hiện ký kết hợp đồng bao tiêu cho nông dân. Đây cũng chính là một trong 3 đơn vị được cấp phép xuất khẩu gạo trực tiếp có quy mô lớn ở Thái Bình.

Sản xuất nông nghiệp đã có sự chuyển mạnh từ số lượng sang chất lượng, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Cơ sở vật chất hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được đầu tư nâng cấp, đời sống nông dân được cải thiện.

Tuy nhiên, việc liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong phát triển ngành trồng trọt ở tỉnh Thái Bình vẫn còn những hạn chế. Cụ thể:

Thứ nhất, tình trạng nông nghiệp, thủy sản tuy cao, song chưa bền vững do chịu tác động nhiều của các yếu tố khách quan; tăng trưởng trong chăn nuôi vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra; lĩnh vực thủy sản chưa khai thác hết lợi thế, tiềm năng; diễn biến bất thường của thời tiết cũng như dịch bệnh nhất là các bệnh lạ còn tiềm ẩn nguy cơ tái phát gây thiệt hại cho sản xuất, làm giảm tốc độ tăng trưởng chung.

Sản xuất hàng hóa đã được hình thành, nhưng còn ở trình độ thấp, hiệu quả sản xuất, chất lượng nông sản chưa có tính cạnh tranh cao trên thị trường; kết quả dồn đổi ruộng đất chưa tốt; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp chưa được quy hoạch và đầu tư xây dựng đúng tầm của sản xuất hàng hóa đã cản trở tới quá trình cơ khí hóa trong nông nghiệp.

Đời sống của nhân dân mặc dù đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, khoảng cách chênh lệch giữa nông

thôn và thành thị còn cao và ngày càng lớn, nhất là bộ phận nông dân mất ruộng do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa diễn ra mạnh nhưng tác động trở lại đối với nông nghiệp, nông thôn chưa nhiều.

- Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chủ trương của Tỉnh ở mỗi sở, địa phương còn mang tính hình thức chung chung, chưa kiên quyết.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Để việc liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong phát triển ngành trồng trọt đạt được những hiệu quả kinh tế cao nhất, theo tác giả cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, giải pháp tập trung, tích tụ đất sản xuất nông nghiệp

Cần rà soát, bổ sung quy hoạch nông nghiệp, nông thôn, quy hoạch các vùng tập trung, tích tụ ruộng đất chuyển sang sản xuất hàng hóa. Hay nói cách khác, cần minh bạch hóa thị trường đất đai, để điều chỉnh đất đai theo cơ chế thị trường.

Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, viện nghiên cứu để thu hút, kêu gọi đầu tư vào phát triển nông nghiệp nông thôn.

Đồng thời, rà soát, xây dựng ban hành các cơ chế chính sách đặc thù đối với doanh nghiệp, tập đoàn có dự án sản xuất nông nghiệp, tập trung lớn, công nghệ cao.

Đơn giản các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh Thái Bình.

Thứ hai, giải pháp trọng tâm phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến những mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo từng chức danh cụ thể. Trong đó, chú trọng nâng cao năng lực quản trị kinh doanh, tiếp cận thị trường của cán bộ quản lý hợp tác xã.

Bên cạnh đó, mở rộng, nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ của hợp tác xã nông nghiệp, trọng tâm là dịch vụ cung ứng đầu vào tập trung và dịch vụ tiêu thụ sản phẩm tập trung. Tổ chức đánh giá, phân loại hợp tác xã nông nghiệp để từ đó có những giải pháp, cơ chế phát triển cho từng loại hình, quy mô, năng lực hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp.

Trong giai đoạn 2017-2020, tổ chức triển khai xây dựng mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả gắn với liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị cho các hộ thành viên. Từ những mô hình điển này sẽ tổng kết đánh giá và tổ chức nhân ra diện rộng toàn Tỉnh trong các năm tiếp theo.

Triển khai các cơ chế hỗ trợ của Trung ương, cơ chế hỗ trợ của Tỉnh đối với phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

Thứ ba, giải pháp phát triển liên kết sản xuất

Tuyên truyền, vận động các địa phương thực hiện chủ trương tập trung đất nông nghiệp, áp dụng khoa học, công nghệ tổ chức phát triển sản xuất theo chuỗi liên kết; đồng thời tiếp tục đánh giá những điển hình hoạt động liên kết sản xuất theo chuỗi đạt hiệu quả kinh tế cao làm cơ sở nhân rộng trong thời gian tới.

Thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư vào lĩnh vực sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Cùng với đó, đẩy mạnh tổ chức sản xuất theo mô hình liên kết chuỗi, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác xã, vận động hình thành các hội, hiệp hội hoạt động theo chuỗi liên kết từ sản xuất, kinh doanh, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Thực hiện các chính sách đã được Chính phủ, UBND Tỉnh ban hành, đặc biệt là chính sách hỗ trợ nguồn vốn, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tiếp cận với các nguồn vốn vay phục vụ đầu tư phát triển nông nghiệp theo chuỗi liên kết. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội (2012). *Luật Hợp tác xã*, số 23/2012/QH13, ngày 20/11/2012
- Cục Thống kê Thái Bình (2017). *Báo cáo thực trạng nông nghiệp tỉnh Thái Bình giai đoạn 2011-2016*
- Dương Bá Phượng (1995). *Liên kết kinh tế giữa sản xuất và thương mại trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường*, Nxb Khoa học xã hội
- Hồ Quý Hậu (2012). *Liên kết giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Thu Hằng (2017). *Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2017 ước đạt gần 25.783 tỷ đồng*, truy cập từ <http://www.thaibinh.gov.vn/tintuc/pages/tin-kinh-te.aspx?ItemID=36049>
- Eaton, Charles and Andrew W. Shepherd (2001). *Contract Farming Partnership for Growth*, FAO Agricultural Services